# TIẾT 19: LUYỆN TẬP CHUNG

Thời gian thực hiện ( 1 tiết)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** HS củng cố , rèn luyện kĩ năng:

+ Tìm các ước và bội.

+ Vận dụng tính chất chia hết của một tổng.

+ Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

+ Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nâng cao kĩ năng giải toán.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu.

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ Bài 8 -> bài 10.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức từ bài 8 ->bài 10.

**d) Tổ chức thực hiện:**

 **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV hỏi đáp HS kiến thức từ Bài 8 -> Bài 10:

* Khái niệm ước và bội; Cách tìm ước và bội của một số? Tính chất chia hết của một tổng.
* Dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.
* Khái niệm số nguyên tố và hợp số; Cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, nhớ lại kiến thức và giơ tay phát biểu.

 **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 HS phát biểu đối với mỗi 1 câu hỏi.

 **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Ví dụ 3+****Bài 2.25 ; 2.26 ; 2.27**- tr43- SGK ).

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.*

*- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**Ví dụ 3 :**

* Sơ đồ cây

**Vậy 140 = 22.5.7**

* Sơ đồ cột :

140

2

70

2

35

5

7

7

1

**Bài 2.25 :**

**a)** Số cần viết chia hết cho 5 từ giả thiết, nó có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5. Vậy các số cần tìm là : 510 ; 150 ; 310 ; 130 ; 350 ; 530 ; 105 ; 305 ; 315 ; 351 ; 513 ; 531.

**b)** Số cần viết chia hết cho 3 nên tổng các chữ số của nó phải chia hết cho 3. Từ giả thiết, ta viết số cần tìm là 510 ; 501 ; 105 ; 150 ; 135 ; 153 ; 315 ; 513 ; 531.

**Bài 2.26 :**

A = 42.63 = (22)2. (2.3)3= 24.23.33 = 27.33

B = 92. 152 = (32)2. (3.5)2= 34.32.52= 36.52

**Bài 2.27:**

a) Vì 100 $\vdots $ 4 nên x $\vdots $ 4. Do đó x $\in $ {0 ; 4 ; 8 ; 12 ; 16 ; 20}

b) Vì 18 $\vdots $ 9 ; 90$\vdots $ 9 nên x $\vdots $ 9. Do đó x $\in $ {0 ; 9 ; 18}

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Ví dụ 1 + Bài 2.28 + 2.29** (SGK- tr43)

**Ví dụ 1 :**

Do xếp 36 bạn thành các hàng đều nhau nên số bạn trong mỗi hàng phải là ước của 36.

Ta có Ư(36) = { 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 6 ; 9 ; 12 ; 18 ; 36}

Vì mỗi hàng có từ 3 đến 12 bạn nên số bạn trong mỗi hàng chỉ có thể là : 3 ; 4 ; 6 ; 9 ; 12.

Do đó, ta có 5 cách xếp thỏa mãn yêu cầu đề ài, cụ thể :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số bạn ở mỗi hàng | 3 | 4 | 6 | 9 | 12 |
| Số hàng | 12 | 9 | 6 | 4 | 3 |

**Bài 2.28 :**

Số người mỗi nhóm phải lớn hơn 3 và là ước của 40.

Mà Ư(40) = {1 ; 2 ; 4 ; 5 ; 8 ; 10 ; 20 ; 40} nên mỗi nhóm có thể có 4 ; 5 ; 8 ; 10 ; 20 hoặc 40 người.

**Bài 2.29 :**

Các cặp nguyên tố sinh đôi nhỏ hơn 40 là : 3 và 5 ; 5 và 7 ; 11 và 13 ; 17 và 19 ; 19 29 và 31.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:+ Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.+ Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.+ Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:+ GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..+ GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

……………………………………………………

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học từ đầu chương II tới giờ

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.

- Chuẩn bị bài mới “ **Ước chung, ước chung lớn nhất**”.